

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ:

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025
ĐỀ 2

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Tiếng Trung xuất nhập khẩu		
Mã học phần:	71CLAN40072	Số tin chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	242_71CLAN40072_01-02		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1 CLO 2	Giải thích chính xác ý nghĩa các thuật ngữ dùng trong xuất nhập khẩu	Câu hỏi trắc nghiệm	50%	Câu 1 đến 20	5	PLO4/PI 4.2
CLO 5	Khẳng định tinh thần sẵn sàng làm việc dưới áp lực và thích ứng với sự thay đổi trong quá trình học tập và làm việc.	Câu hỏi tự luận	50%	2 câu tự luận	5	PLO9/PI 9.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 x 0.25 = 5 điểm)

选择正确答案：（0.25 X 20 = 5 điểm）

1. 下列哪一种运输方式特别适合高价值、急需到达目的地的货物？
- A. 航空运输
B. 海洋运输
C. 铁路运输

D. 内河运输

ANSWER: A

2. 提单 (Bill of Lading) 的主要功能不包括:

- A. 保险单据
- B. 货物收据
- C. 运输合同证明
- D. 货物所有权凭证

ANSWER: A

3. 班轮运输 (liner transport) 的特点不包括以下哪一项?

- A. 运费灵活调整
- B. 固定航线
- C. 固定停靠港口
- D. 定期开航

ANSWER: A

4. 在 DAP 条件下, 货物的风险何时转移到买方?

- A. 当货物被置于买方处置之下但尚未卸货时
- B. 当货物越过船舷时
- C. 当货物在目的地卸货完成时
- D. 当货物交给第一个承运人时

ANSWER: A

5. 在海运运费计算中, 基本运费是根据什么因素决定的?

- A. 货物体积与重量中的较大者
- B. 货物体积
- C. 货物重量
- D. 货物数量

ANSWER: A

6. 内河运输使用哪些工具来运输货物和人员?

- A. 河流、湖泊、运河
- B. 地铁
- C. 卡车
- D. 飞机

ANSWER: A

7. 成本、保险加运费付至指的是:

- A. CIF
- B. CPT

- C. CIP
- D. DAT

ANSWER: A

8. 一般不能使用托收
- A. EXW、D 组
 - B. CIF、CIP
 - C. CFR、CPT
 - D. FOB、CFR、CPT

ANSWER: A

9. 关于“汇票”下边那个正确。
- A. Bill of Exchange 简称 draft 或 bill
 - B. L/C
 - C. Invoice
 - D. Packing list 装箱单

ANSWER: A

10. 指提单上有承运人、船长或其代理人签名盖章并注明签发日期的提单是：
- A. 正本提单 – original B/L
 - B. 副本提单 - copy B/L
 - C. 联运提单 – through B/L
 - D. 清洁提单 – Clean B/L

ANSWER: A

11. 哪个是航运公司及寄货人的有关证件？
- A. Bill of lading.
 - B. Airwaybill.
 - C. Forwarder.
 - D. Master airwaybill.

ANSWER: A

12. 哪个是航空公司及寄货人的有关证件？
- A. Airwaybill.
 - B. Bill of lading.
 - C. Forwarder.
 - D. House Bill of Lading.

ANSWER: A

13. Incoterms® 2010：含有多少种贸易术语？
- A. 11

- B. 10
- C. 12
- D. 4

ANSWER: A

14. Incoterms® 2010 之术语被分为几组？

- A. 4 组
- B. 10 组
- C. 5 组
- D. 11 组

ANSWER: A

15. 工厂交货是哪一组？

- A. E 组
- B. F 组
- C. C 组
- D. D 组

ANSWER: A

16. 国际贸易最主要、最常用的运输方式是：

- A. 海洋运输
- B. 铁路运输
- C. 航空运输
- D. 公路、内河、邮政运输

ANSWER: A

17. 直达提单英文是：

- A. Direct B/L
- B. Transshipment B/L
- C. Through B/L
- D. On board B/L

ANSWER: A

18. 既承保人，经营保险业务的组织或个人：

- A. 保险人
- B. 投保人
- C. 被保险人
- D. 保险费

ANSWER: A

19. 海洋运输的优点：

- A. 运量大、运费低廉

- B. 运远快，不受气候和自然影响
 C. 有明显的道路和轨道限制
 D. 货物的保险性高

ANSWER: A

20. 船上交货指的是：

- A. FOB
 B. FAS
 C. FCA
 D. CFR

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2.5 x 2 =5 điểm)

Câu hỏi 1: 什么是共同海损? (2.5 điểm)

Câu hỏi 2: 信用证结算方式的优缺点? (2.5 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
Câu 1 – 20	Đáp án là A	0.25	
.....			
II. Tự luận		5.0	
Nội dung 1.	共同海损 (General Average) 是指在同一海上航程中，船舶、货物和其他财产遭遇共同危险，为了共同安全，有意地、合理地采取措施所直接造成的特殊牺牲、支付的特殊费用。	2.5	
Nội dung 2.	信用证结算方式的优缺点： 信用证是以银行信用为基础的结算方式。 三个特点：	2.5	

	• 一是安全迅速清偿债权债务； • 二是保证买卖双方和利益都能照顾；出口商安全收款，进口商安全收货 • 三是便于融通资金，方便各方筹措资金。 是三种结算方式中手续最繁、费用最高的一种。 出口商可能以假单据或伪劣货物骗取货款；反之出口商提交的单据有不符点，可能遭受到进口商以单据不符为由拖欠或拒付货款。银行为进出口商提供资金便利，使相隔很远，互不信任的商人能进行贸易。从而促进国际贸易的发发展。		
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề



MAI THU HOÀI

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2025

Giảng viên ra đề



DIỆP TUYẾT VÂN